

Bài 5 THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ

Nội dung

Trong bài này, người học sẽ được tiếp cận các nội dung:

- Khái niệm, đặc điểm của thực hiện pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật.
- Khái niệm, dấu hiệu của vi phạm pháp luật, cấu thành của vi phạm pháp luật, các loại vi phạm pháp luật.
- Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý, các loại trách nhiệm pháp lý, truy cứu trách nhiệm pháp lý, truy cứu trách nhiệm pháp lý.

Mục tiêu

- Xác định được khái niệm, đặc điểm của thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.
- Xác định được các hình thức thực hiện pháp luật.
- Xác định được các dấu hiệu của vi phạm pháp luật, phân biệt được giữa hành vi trái pháp luật và hành vi vi phạm pháp luật.
- Nhận diện được các loại vi phạm pháp luật
- Xác định được các loại trách nhiệm pháp lý, cơ sở truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với một chủ thể.

Hướng dẫn học

Để học tốt bài này người học cần:

- Nắm được các vấn đề lý luận liên quan đến vi phạm pháp luật và truy cứu trách nhiệm pháp lý được phân tích trong giáo trình Pháp luật đại cương, giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật thuộc danh mục tài liệu tham khảo của môn học
- Nghiên cứu nội dung của các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến việc thực hiện pháp luật, xác định hành vi vi phạm pháp luật và truy cứu trách nhiệm pháp lý như: Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Bộ luật Dân sự 2015...

Tình huống dẫn nhập

Doanh nghiệp tư nhân Mai Sơn chuyên sản xuất, chế biến rau, củ, quả và Doanh nghiệp tư nhân An Phú chuyên giết mổ gia súc, gia cầm cùng đóng trên địa bàn huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La nằm gần suối Nậm Na. Doanh nghiệp tư nhân Mai Sơn đi vào hoạt động từ tháng 10 – 2012, và Doanh nghiệp tư nhân An Phú đi vào hoạt động từ tháng 7 – 2012.

Vào khoảng cuối năm 2013, theo phản ánh của người dân (gần 300 hộ dân) sống quanh khu vực 2 doanh nghiệp hoạt động, người dân cho biết, từ khi 2 doanh nghiệp đi vào hoạt động, chế biến sản phẩm thì bầu không khí trong vùng không còn trong lành nữa, nguồn nước ngầm trong vùng có mùi hôi tanh, không thể sử dụng được. Nguyên nhân là do nước thải của 2 doanh nghiệp trên có nồng độ chất thải vượt quá QCKT cho phép ra suối Nậm Na, nước suối chảy vào ao cá của ông An và ruộng lúa của các hộ dân trong xã. Nước từ các ruộng lúa thấm thấu đến mạch nước ngầm làm cho nguồn nước ngầm có màu vàng, vẩn không sử dụng được. Con suối Nậm Na gần khu vực nhà máy hoạt động nước có màu đen, mùi hôi bốc lên nồng nặc làm cho cá chết hàng loạt gây thiệt hại 300 triệu đồng cho gia đình ông An, gần 30ha lúa, hoa màu bị vàng cây, chết,...khiến mùa màng thất bát, nhiều gia đình trắng tay thiệt hại 200 triệu đồng. Không chỉ thiệt hại về tài sản của các hộ dân sinh sống quanh khu vực 2 nhà máy, nặng nề và đau xót hơn cả là trong tổng số gần 300 hộ dân thì có tới 50 người bị mắc các bệnh về da, bệnh đường ruột, làm sức khỏe giảm sút và mất nhiều chi phí, thời gian cho việc chữa trị với tổng thiệt hại là 500 triệu đồng. Nguyên nhân dẫn tới các bệnh trên đã được bệnh viện đa khoa xác nhận là do nguồn nước có chứa các chất độc.

Trước tình hình trên, ngày 15/12/2013, các hộ dân đã làm đơn khiếu nại gửi Thanh tra Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Sơn La với nội dung: Yêu cầu 2 doanh nghiệp phải dừng ngay hoạt động xả nước thải chứa các chất độc hại ra môi trường và yêu cầu nhà máy phải bồi thường thiệt hại 1.8 tỉ đồng do thiệt hại về tài sản và sức khỏe. Ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại, ngày 10/01/2014, Sở Tài nguyên và môi trường đã đến thanh tra và đưa ra kết luận:

1. Doanh nghiệp tư nhân An Phú không xây lắp đúng quy trình xử lý nước thải đúng yêu cầu theo quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM (cụ thể: nhà máy chỉ có 3 hồ chứa nước nhỏ, đắp bằng đất thô sơ).
2. Hai nhà máy đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường là xả nước thải có chứa các thông số vượt quá QCKT Việt Nam cho phép, cụ thể: COD vượt QCKT 2,5 lần cho phép, califom vượt QCKT 3 lần, tổng nitơ vượt QCKT 3,5 lần. Căn cứ vào công suất hoạt động thì Doanh nghiệp tư nhân Mai Sơn mỗi ngày xả thải ra môi trường 400m³/ngày, doanh nghiệp tư nhân An Phú xả 600m³/ngày.
3. Tổng thiệt hại về tài sản của các hộ dân trong xã là 500 triệu đồng, thiệt hại về sức khỏe của người dân là 500 triệu đồng. Tất cả các thiệt hại đều đã được xác minh chính xác.



1. Vi phạm pháp luật là gì?
2. Các dấu hiệu của vi phạm pháp luật?
3. Có những hành vi vi phạm pháp luật nào?
4. Hậu quả đối với hành vi vi phạm pháp luật được quy định như thế

5.1. Thực hiện pháp luật

5.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật

Trong cơ chế điều chỉnh pháp luật, thực hiện pháp luật là giai đoạn thứ hai, sau khi đã tiến hành giai đoạn xây dựng pháp luật và là giai đoạn quan trọng, không thể thiếu. Bởi pháp luật chỉ có thể phát huy vai trò của mình đối với việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì trật tự xã hội... khi mà nó được tôn trọng và thực hiện trên thực tế.

Thực hiện pháp luật là quá trình các chủ thể pháp luật khi tham gia quan hệ pháp luật thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc thực hiện pháp luật thường là nghĩa vụ của mọi chủ thể. Về phía nhà nước, thực hiện pháp luật là hình thức có bản để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước. Về phía các chủ thể khác, thực hiện pháp luật là hoạt động sử dụng các quyền pháp lý đồng thời thực hiện đúng các nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật đã quy định cho họ.

Từ đó, có thể định nghĩa: *Thực hiện pháp luật là hành vi thực tế hợp pháp của chủ thể để hiện thực hóa các quy phạm pháp luật trong đời sống.*

5.1.2. Đặc điểm của thực hiện pháp luật

Thực hiện pháp luật có các đặc điểm cơ bản sau:

- Thực hiện pháp luật phải là hành vi thực tế
Hành vi là phương thức tồn tại của con người, được hình thành trên cơ sở nhận thức và được biểu hiện ra ngoài thế giới khách quan bằng hành động hoặc bằng không hành động. Do vậy, thực hiện pháp luật dứt khoát phải được biểu hiện ra dưới dạng hành vi cụ thể mà không thể tồn tại dưới dạng suy nghĩ, ý niệm.
- Thực hiện pháp luật phải phù hợp với quy định của pháp luật, được đảm bảo bằng các biện pháp của nhà nước
Thực hiện pháp luật không thể và không phải là quá trình tự phát, tùy tiện. Thực hiện pháp luật trước hết và cơ bản là việc các chủ thể pháp luật thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý được pháp luật ghi nhận. Khi nội dung, thủ tục và những yêu cầu thực hiện pháp luật được pháp luật quy định, nếu có hành vi cản trở thì các chủ thể có cơ sở để đòi hỏi sự đảm bảo cần thiết từ phía nhà nước.
- Thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích hiện thực hoá các quy phạm pháp luật vào đời sống
Các chủ thể pháp luật khi tham gia quan hệ pháp luật đều mong muốn đạt được các mục đích cụ thể, những nội dung thực tế bằng chính hành vi của mình. Mục đích thực hiện pháp luật của các chủ thể là phạm trù mang tính chủ quan nên sẽ có sự khác biệt giữa các chủ thể. Mục đích thực hiện pháp luật là nhằm đáp ứng các nhu cầu của chủ thể.
- Thực hiện pháp luật được tiến hành thông qua nhiều hình thức và với các quá trình không giống nhau
Việc thực hiện pháp luật có thể phụ thuộc vào ý chí của chủ thể pháp luật hoặc ý chí của nhà nước. Pháp luật là sản phẩm do nhà nước tạo nên, vì vậy, quá trình thực hiện pháp luật được đảm bảo bằng nhà nước. Việc thực hiện pháp luật không chỉ là yêu

cầu khách quan được đặt ra từ hoạt động của đời sống xã hội, từ nguyện vọng của các thành viên xã hội mà còn từ nhu cầu của quản lý nhà nước. Sự đảm bảo thực hiện pháp luật của nhà nước tạo môi trường cho sự bình đẳng, công bằng về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể pháp luật được thiết lập và thực hiện.

5.1.3. Các hình thức thực hiện pháp luật

Sự đa dạng của quy phạm pháp luật dẫn đến sự phong phú của hình thức thực hiện pháp luật. Căn cứ vào tính chất của các hoạt động thực hiện pháp luật, có các hình thức thực hiện pháp luật sau:

- Tuân thủ pháp luật (tuân theo pháp luật) đây là hình thức thực hiện pháp luật có tính phổ biến trên mọi lĩnh vực, theo đó, các chủ thể pháp luật thực hiện hành vi hợp pháp theo đúng yêu cầu của pháp luật hoặc kiềm chế không thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm.
- Thi hành pháp luật (chấp hành pháp luật) là hình thức thực hiện pháp luật mà theo đó các chủ thể pháp luật thực hiện các nghĩa vụ pháp lý mà pháp luật yêu cầu phải thực hiện, chẳng hạn như thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn, thực hiện nghĩa vụ đăng ký khai sinh, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đăng ký kinh doanh...
- Sử dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật mà theo đó, các chủ thể pháp luật thực hiện các quyền pháp lý của mình theo quy định của pháp luật. Chẳng hạn việc các chủ thể pháp luật thực hiện quyền tự do về chỗ ở, tự do lao động, tự do kết hôn, tự do ngôn luận, tự do giao kết hợp đồng...
- Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật mà theo đó nhà nước thông qua các chủ thể có thẩm quyền đưa ra các quyết định cá biệt nhằm hiện thực hóa quy phạm pháp luật trong đời sống pháp lý. Chẳng hạn một cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết việc khiếu nại, tố cáo của các chủ thể pháp luật, hay việc tòa án có thẩm quyền giải quyết các loại vụ án: hình sự, hành chính, các vụ việc về dân sự, kinh doanh thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình...

Áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật đặc biệt.

5.1.4. Áp dụng pháp luật

a. Khái niệm áp dụng pháp luật

Hiệu quả tác động của pháp luật vào đời sống xã hội được đánh giá bởi việc thực hiện các quy phạm pháp luật trong thực tiễn. Nếu chỉ thông qua các hình thức: tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật, sử dụng pháp luật thì không phải khi nào các quy phạm pháp luật được nhà nước ban hành cũng đương nhiên được thực thi trong thực tế do các chủ thể pháp luật không muốn hoặc không có khả năng thực hiện trên thực tế. Việc đảm bảo thực thi các quy định của pháp luật trên thực tế phải thông qua hoạt động áp dụng pháp luật.

Áp dụng pháp luật là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành để đưa ra các quyết định có tính cá biệt nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội theo mục tiêu cụ thể.

b. Đặc điểm của áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật là một hình thức của thực hiện pháp luật do vậy nó phải mang đầy đủ các đặc điểm của hoạt động thực hiện pháp luật đồng thời có những đặc điểm riêng biệt. Cụ thể là:

- **Áp dụng pháp luật mang tính quyền lực nhà nước**
Pháp luật do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện nên hoạt động áp dụng phải mang tính quyền lực nhà nước. Nhờ có sự đảm bảo bởi nhà nước nên pháp luật có sức mạnh bắt buộc đối với mọi chủ thể liên quan. Quá trình áp dụng pháp luật là quá trình sử dụng quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước để giải quyết các vụ việc thực tế. Do vậy, áp dụng pháp luật chỉ có thể được tiến hành bởi các cơ quan nhà nước hoặc các chủ thể được nhà nước trao quyền thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật. Quá trình áp dụng pháp luật thường trực tiếp phản ánh và thể hiện ý chí của nhà nước. Do vậy, các quyết định áp dụng pháp luật chủ yếu thể hiện ý chí đơn phương của chủ thể tiến hành.
- **Áp dụng pháp luật được thực hiện với điều kiện, quy trình được quy định chặt chẽ**
Hoạt động áp dụng pháp luật là một quá trình đặc biệt của thực hiện pháp luật, do đó nó được quy định chặt chẽ về điều kiện thực hiện, trình tự, thủ tục tiến hành. Mỗi lĩnh vực pháp luật khác nhau, điều kiện, quá trình, thủ tục này được xác định rất khác biệt.
- **Áp dụng pháp luật là hoạt động điều chỉnh cá biệt**
Áp dụng pháp luật là phương thức chuyển hóa các quy định của pháp luật thành những quy định cụ thể đối với chủ thể nhất định. Nhờ quá trình áp dụng pháp luật mà nhiều quy phạm pháp luật có điều kiện được thực thi trên thực tế. Cũng nhờ có hoạt động áp dụng pháp luật mà các chủ thể pháp luật xác định được giới hạn của quyền và nghĩa vụ khi tham gia quan hệ pháp luật.
- **Áp dụng pháp luật là hoạt động đòi hỏi tính chủ động, linh hoạt**
Đây là quá trình thực hiện pháp luật được hình thành trên cơ sở nhận thức, do vậy, các chủ thể có thẩm quyền khi áp dụng pháp luật phải thực hiện việc phân tích, đánh giá vụ việc, làm sáng tỏ cấu thành của sự kiện cần áp dụng, từ đó lựa chọn quy phạm pháp luật áp dụng, ra quyết định áp dụng và tổ chức thi hành quyết định áp dụng pháp luật đó. Chỉ những vụ việc chưa có quy định của pháp luật, thì mới được áp dụng pháp luật tương tự, áp dụng tập quán, thói quen, tiền lệ pháp hay lẽ phải, lẽ công bằng để xử lý. Để đạt được điều đó, chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật phải có ý thức pháp luật cao, tri thức tổng hợp, kinh nghiệm phong phú, có đạo đức trong sáng và có trình độ chuyên môn cần thiết.

c. Các giai đoạn của quá trình áp dụng pháp luật

Áp dụng pháp luật là một quá trình tổng hợp bao gồm nhiều yếu tố có sự tương tác lẫn nhau. Để hoạt động áp dụng pháp luật được chính xác và có hiệu quả cao thông thường cần tiến hành các giai đoạn cụ thể sau:

- Phân tích, đánh giá đúng, chính xác nội dung, điều kiện, hoàn cảnh của sự kiện thực tế cần áp dụng pháp luật;

- Lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp làm cơ sở pháp lý cho việc đưa ra các quyết định áp dụng pháp luật;
- Ra quyết định áp dụng pháp luật;
- Tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật.

d. Các trường hợp áp dụng pháp luật

Việc áp dụng pháp luật được thực hiện khi xảy ra các trường hợp sau đây:

Một là, có hành vi vi phạm pháp luật;

Hai là, có sự tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý mà các chủ thể không thể tự giải quyết được;

Ba là, khi các quy định của pháp luật không thể mặc nhiên được thực hiện bởi các chủ thể nếu không có sự can thiệp của nhà nước. Chẳng hạn hoạt động cấp giấy phép hoạt động, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các pháp nhân...

Bốn là, trong trường hợp nhà nước thấy cần thiết phải tham gia vào một số quan hệ pháp luật cụ thể với mục đích kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tính đúng đắn của hành vi của các chủ thể hay xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại một sự kiện. Chẳng hạn việc phê chuẩn một quyết định của cơ quan có thẩm quyền, việc xác nhận một giao dịch...

5.2. Vi phạm pháp luật

5.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật

Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

5.2.2. Dấu hiệu của vi phạm pháp luật.

Để thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình Nhà nước ban hành hệ thống quy tắc xử sự để hướng các chủ thể thực hiện hành vi xử sự của mình theo mục đích đã được đặt ra. Để bảo vệ được pháp luật hay để các quy tắc pháp luật được thực thi trong đời sống xã hội, Nhà nước phải sử dụng đồng bộ các biện pháp khác nhau như: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức pháp luật, cưỡng chế... Nhưng trong xã hội mỗi cá nhân, mỗi tổ chức khi xử sự về một vấn đề cụ thể nào đó bao giờ cũng xuất phát từ sự cân nhắc, tính toán về lợi ích của mình cũng như từ sự nhận thức về bổn phận của mình trước xã hội. Vì thế có những chủ thể thực hiện hành vi xử sự không đúng với yêu cầu của pháp luật, hành vi đó được gọi là hành vi trái pháp luật. Để bảo vệ lợi ích của xã hội, lợi ích chính đáng của các cá nhân, tổ chức thì hành vi vi phạm pháp luật phải được ngăn chặn, loại bỏ hoặc hạn chế tới mức thấp nhất. Tuy nhiên để đạt được hiệu quả cao nhất cần phải có sự tham gia của toàn xã hội và trước hết là phát huy vai trò của Nhà nước, Nhà nước phải xác định, phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật để có các biện pháp xử lý phù hợp để đạt được mục đích đã được đề ra.

Những dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật là:

Thứ nhất, vi phạm pháp luật luôn luôn là hành vi xác định của con người.

Hành vi vi phạm pháp luật trước hết phải là hành vi do con người thực hiện bằng hành động hoặc không hành động. Do đó việc súc vật hoặc máy móc thiết bị gây thiệt hại cho

xã hội thì hành vi vi phạm pháp luật là hành vi của chủ sở hữu, người được giao quản lý chứ không phải là hành vi của vi phạm của súc vật hay máy móc thiết bị.

Hành vi vi phạm pháp luật phải là hành vi xác định nghĩa là hành vi đó phải được bộc lộ ra bên ngoài thế giới khách quan dưới hình thức hành động hoặc không hành động mà con người có thể tri giác được. Do đó mọi suy nghĩ hay tưởng tượng dù có nguy hiểm cho xã hội nhưng chưa bộc lộ ra bên ngoài thế giới khách quan thì không bị coi là vi phạm pháp luật.

Hành vi vi phạm pháp luật có thể do cá nhân hoặc tổ chức (pháp nhân) thực hiện, cá nhân vi phạm pháp luật bằng chính hành vi của mình, còn đối với pháp nhân vi phạm pháp luật thông qua hành vi của người đại diện của pháp nhân hoặc bằng hoạt động của pháp nhân, ví dụ: người đại diện pháp nhân không kê khai hoặc kê khai gian dối để trốn thuế; pháp nhân kinh doanh trái phép; pháp nhân hoạt động gây ô nhiễm môi trường....

Thứ hai, vi phạm pháp luật phải là hành vi trái với các quy định của pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Hành vi trái với quy định của pháp luật được hiểu là hành vi không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định của quy phạm pháp luật hoặc thực hiện hành vi bị pháp luật cấm. Do đó những hành vi dù có gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho xã hội nhưng chưa được quy định trong pháp luật thì cũng không bị coi là vi phạm pháp luật.

Thứ ba, vi phạm pháp luật là hành vi có chứa đựng lỗi của chủ thể hay nói cách khác là chủ thể phải có lỗi.

Lỗi là trạng thái (là dấu hiệu thể hiện thái độ) tâm lý tiêu cực của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và đối với hậu quả của hành vi đó. Một chủ thể được coi là có lỗi đối với hành vi của mình khi mà chủ thể đó ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhận thức được hành vi, hậu quả mà hành vi có thể gây ra cho xã hội và hoàn toàn có thể lựa chọn một xử sự khác phù hợp với pháp luật, nhưng họ đã lựa chọn cách xử sự không phù hợp. Nói khác đi, chủ thể có lỗi được hiểu là khi chủ thể đó khi thực hiện hành vi họ nhận thức được hành vi của mình, họ có đủ điều kiện (về mặt chủ quan và khách quan) để lựa chọn cách xử sự phù hợp với yêu cầu của pháp luật nhưng người đó lại lựa chọn cách xử sự không đúng, không đầy đủ, không phù hợp, không thực hiện yêu cầu mà pháp luật buộc phải thực hiện hoặc thực hiện hành vi mà pháp luật cấm thực hiện.

Trường hợp hành vi gây ra thiệt hại trong điều kiện chủ thể không thể biết trước, không buộc phải biết trước hành vi của mình gây ra thiệt hại cho xã hội thì chủ thể được xác định là không có lỗi. Hoặc trong trường hợp chủ thể không còn cách lựa chọn nào khác nên bắt buộc phải thực hiện hành vi gây thiệt hại cho xã hội để bảo vệ lợi ích lớn hơn thì người có hành vi thực tế đã gây ra thiệt hại cho xã hội đó sẽ được coi là không có lỗi.

Thứ tư, vi phạm pháp luật là hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện.

Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của chủ thể tự gánh chịu những hậu quả pháp luật bởi hành vi mà mình thực hiện.

5.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật

a. Mặt khách quan

Những biểu hiện ra bên ngoài của vi phạm pháp luật:

- Hành vi trái pháp luật: Có thể tồn tại dưới dạng hành động hoặc không hành động.
- Hậu quả của hành vi đó: Là kết quả trực tiếp của hành vi trái pháp luật, là những thiệt hại xảy ra cho xã hội (thiệt hại vật chất và thiệt hại về tinh thần).
- Một số yếu tố khác: Gồm: thời gian xảy ra vi phạm; phương tiện, công cụ sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm; phương pháp, thủ đoạn thực hiện...

b. Mặt chủ quan

Diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật

- Lỗi: Phản ánh thái độ tâm lý bên trong của chủ thể đối với hành vi vi phạm pháp luật và hậu quả của hành vi đó.
- Động cơ: Là động lực bên trong thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.
- Mục đích: Là kết quả trong ý thức mà chủ thể đặt ra và mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

5.2.4. Các loại vi phạm pháp luật

Vi phạm pháp luật xảy ra trong rất nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đó là những hành vi vi phạm các quy phạm của cả một hệ thống pháp luật, tuy nhiên để xử lý chủ thể vi phạm pháp luật thì trong pháp luật Việt Nam đã chia vi phạm pháp luật thành bốn loại vi phạm, đó là: Vi phạm hình sự (tội phạm) - Vi phạm hành chính - Vi phạm dân sự - Vi phạm kỷ luật. Nội dung của các loại vi phạm pháp luật này sẽ được đề cập tới tại các mục tương ứng trong các chương sau.

- *Vi phạm hình sự* (tội phạm) là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự do chủ thể có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ.
- *Vi phạm hành chính* là hành vi trái pháp luật, có lỗi của cá nhân, pháp nhân xâm phạm tới các quy tắc quản lý nhà nước mà chưa bị coi là tội phạm, theo quy định của pháp luật thì bị xử lý hành chính.
- *Vi phạm kỷ luật* là hành vi trái pháp luật, có lỗi do cá nhân người lao động (theo chế độ hợp đồng lao động hoặc theo chế độ tuyển dụng đối với công chức, viên chức) thực hiện xâm phạm đến nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị hoặc hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động mà họ đã ký kết.
- *Vi phạm dân sự* là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện xâm phạm tới quyền tài sản hoặc quyền nhân thân của cá nhân, pháp nhân khác.

5.3. Trách nhiệm pháp lý

5.3.1. Khái niệm, đặc điểm của trách nhiệm pháp lý.

Trách nhiệm được hiểu theo hai nghĩa đó là nghĩa vụ của chủ thể và hậu quả chủ thể phải gánh chịu. Trong vi phạm pháp luật, khái niệm trách nhiệm pháp lý được hiểu theo nghĩa thứ hai, đó là hậu quả pháp lý mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu. Khi có hành vi vi phạm pháp luật chủ thể đã thực hiện hành vi đó có thể phải gánh chịu nhiều loại hậu quả khác nhau, song chỉ những hậu quả đã được quy định trong pháp luật và do cơ quan có thẩm quyền hoặc người có thẩm quyền áp dụng mới được coi là trách nhiệm pháp lý.

Trách nhiệm pháp lý là những hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu trước các chủ thể có quyền (bao gồm: cơ quan nhà nước, nhà chức trách, người có quyền dân sự bị vi phạm...).

Trách nhiệm pháp lý như là sự phản ứng tiêu cực của nhà nước đối với các chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Sự phản ứng đó của nhà nước thể hiện thông qua việc áp dụng hậu quả bất lợi đối với chủ thể thực hiện hành vi, đồng thời cũng là sự lên án của nhà nước đối với hành vi và chủ thể thực hiện hành vi đó.

Trách nhiệm pháp lý có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, trách nhiệm pháp lý là những hậu quả pháp lý bất lợi mà Nhà nước buộc chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.

Về nguyên tắc mọi cá nhân, tổ chức phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình, nếu hành vi đó vi phạm pháp luật thì chủ thể có quyền sẽ buộc họ phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi mà không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của họ là có đồng ý hay không.

Hậu quả mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu có thể có rất nhiều loại khác nhau song chỉ những hậu quả được quy định trong pháp luật áp dụng đối với họ thì mới được coi là trách nhiệm pháp lý. Ví dụ: Người vi phạm pháp luật ngoài hậu quả pháp lý là bị áp dụng các biện pháp: cảnh cáo hoặc phạt tiền hoặc phạt tù... họ còn bị dư luận xã hội lên án, kỷ luật đoàn, kỷ luật đảng... Trong đó, việc bị phạt cảnh cáo, phạt tiền hoặc phạt tù là trách nhiệm pháp lý.

Thứ hai, trách nhiệm pháp lý luôn phát sinh trong phạm vi của quan hệ pháp luật giữa các bên với tính chất là các chủ thể có quyền và nghĩa vụ nhất định, trong đó, nhà nước (thông qua đại diện của mình) có quyền xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật dựa trên cơ sở và trong giới hạn cho phép; đối tượng bị áp dụng trách nhiệm pháp lý là cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có thể bị tước bỏ hoặc hạn chế những quyền nhất định, nhưng vẫn được đảm bảo các quyền con người, quyền công dân theo quy định của pháp luật.

Thứ ba, nội dung của trách nhiệm pháp lý được quy định trong phần chế tài của các quy phạm pháp luật.

Thứ tư, việc xác định trách nhiệm pháp lý phải tuân theo trình tự, thủ tục được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý

Việc áp dụng trách nhiệm pháp lý chính là áp dụng những hậu quả pháp lý bất lợi đối với chủ thể vi phạm pháp luật, nhằm tước bỏ hoặc hạn chế những quyền lợi nhất định của họ. Vì vậy, trách nhiệm pháp lý chỉ được áp dụng khi đã có đầy đủ các dấu hiệu để xác định hành vi của chủ thể đã đủ yếu tố để bị coi là vi phạm pháp luật. Khoa học pháp lý coi tổng hợp các dấu hiệu, các yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật là cấu thành vi phạm pháp luật. Như vậy cấu thành vi phạm pháp luật chính là cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý. Cấu thành vi phạm pháp luật được chia thành bốn yếu tố: Khách thể của vi phạm pháp luật, mặt khách quan của vi phạm pháp luật, chủ thể của vi phạm pháp luật và mặt chủ quan của vi phạm pháp luật.

Khách thể của vi phạm pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ và bị hành vi vi phạm pháp luật xâm hại. Mỗi hành vi phạm xâm hại đến một hoặc nhiều quan hệ xã hội. Vì vậy tính chất của quan hệ xã hội bị xâm hại phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật và vì thế có ảnh hưởng đến việc xác định trách nhiệm pháp lý.

Mặt khách quan của vi phạm pháp luật là những biểu hiện bên ngoài của vi phạm pháp luật, bao gồm:

- Hành vi vi phạm;
- Hậu quả của hành vi vi phạm;
- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và hậu quả thực tế;
- Điều kiện, hoàn cảnh, công cụ, phương tiện thực hiện hành vi.

Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là diễn biến tâm lý bên trong của hành vi vi phạm, bao gồm lỗi, động cơ và mục đích.

Lỗi là thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi vi phạm của mình và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra. Lỗi được chia thành lỗi cố ý hoặc vô ý. Lỗi cố ý còn được chia thành cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp. Lỗi vô ý bao gồm 2 loại, vô ý vì quá tự tin và vô ý do cầu thả.

Chủ thể của vi phạm pháp luật có thể là cá nhân hoặc tổ chức có năng lực trách nhiệm pháp lý đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Những yếu tố cấu thành vi phạm pháp luật nói trên được làm rõ khi nghiên cứu các loại vi phạm pháp luật và các chế độ trách nhiệm pháp lý cụ thể.

5.3.2. Các loại trách nhiệm pháp lý

Vi phạm pháp luật được chia thành bốn loại như trên và để xử lý đối với chủ thể vi phạm pháp luật thì tương ứng với bốn loại vi phạm pháp luật có bốn loại trách nhiệm pháp lý, đó là: Trách nhiệm pháp lý hình sự, trách nhiệm pháp lý hành chính, trách nhiệm pháp lý dân sự và trách nhiệm pháp lý kỷ luật.

- *Trách nhiệm pháp lý hình sự* là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất do Tòa án áp dụng đối với chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hình sự sẽ bị áp dụng trách nhiệm pháp lý hình sự.
- *Trách nhiệm pháp lý hành chính* được áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Chủ thể vi phạm hành chính sẽ bị áp dụng trách nhiệm pháp lý hành chính.

- *Trách nhiệm kỷ luật* được áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm kỷ luật (kỷ luật công chức, viên chức, kỷ luật lao động). Trách nhiệm pháp lý kỷ luật có thể đi kèm với các loại trách nhiệm pháp lý khác nếu chủ thể đồng thời thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác nữa.
- *Trách nhiệm dân sự* được áp dụng đối với các chủ thể có hành vi xâm phạm quyền tài sản hoặc quyền nhân thân của các chủ thể khác.

Nội dung cụ thể các loại trách nhiệm pháp lý sẽ được đề cập trong bài 7 của bài.

5.3.3. Truy cứu trách nhiệm pháp lý

a. *Khái niệm truy cứu trách nhiệm pháp lý*

Khi xuất hiện hành vi vi phạm pháp luật, nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền tiến hành các hoạt động nhằm buộc chủ thể có hành vi vi phạm phải gánh chịu những hậu quả nhất định. Hoạt động có của Nhà nước được gọi là truy cứu trách nhiệm pháp lý.

Truy cứu trách nhiệm pháp lý là hoạt động thể hiện quyền lực nhà nước do cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền tiến hành nhằm cá biệt hóa bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật.

Truy cứu trách nhiệm pháp lý nhằm bảo vệ pháp luật, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng cho các chủ thể trong các quan hệ xã hội, đồng thời góp phần cải tạo, răn đe, giáo dục người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Truy cứu trách nhiệm pháp lý là một quá trình hoạt động phức tạp của các chủ thể có thẩm quyền nhằm nghiên cứu, xem xét, đánh giá sự việc bị coi là vi phạm pháp luật để quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thích hợp đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật.

b. *Căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý*

Để việc truy cứu trách nhiệm pháp lý được chính xác, đáp ứng các yêu cầu của hoạt động này, việc truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với một chủ thể cần được tiến hành trên cơ sở các căn cứ chắc chắn.

Căn cứ truy cứu trách nhiệm pháp lý bao gồm:

- Các căn cứ pháp lý

Căn cứ pháp lý là tổng thể các quy định của pháp luật hiện hành được các chủ thể sử dụng làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý. Các căn cứ pháp lý bao gồm:

- Quy định của pháp luật hiện hành về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cách thức tiến hành truy cứu trách nhiệm pháp lý.
- Các quy định của pháp luật hiện hành xác định các yếu tố về hành vi vi phạm, các biện pháp chế tài dự kiến áp dụng, điều kiện để áp dụng chế tài...
- Các quy định của pháp luật liên quan đến thời hiệu để truy cứu trách nhiệm pháp lý. Cần định nghĩa thời hiệu truy cứu trách nhiệm pháp lý vì đây là một thuật ngữ mới

- Các căn cứ thực tế

Căn cứ thực tế của việc truy cứu trách nhiệm pháp lý là việc trên thực tế có xác định được hành vi vi phạm pháp luật thông qua các yếu tố cấu thành của vi phạm pháp luật đó. Bao gồm: Mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể và chủ thể của vi phạm pháp luật.

TÓM LƯỢC CUỐI BÀI

- Thực hiện pháp luật là hành vi thực tế hợp pháp của chủ thể để hiện thực hóa các quy phạm pháp luật trong đời sống.
- Áp dụng pháp luật là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền dựa trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành để đưa ra các quyết định có tính cá biệt nhằm điều chỉnh quan hệ xã hội theo mục tiêu cụ thể.
- Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- Trách nhiệm pháp lý là những hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu trước các chủ thể có quyền (bao gồm: cơ quan nhà nước, nhà chức trách, người có quyền dân sự bị vi phạm...).
- Truy cứu trách nhiệm pháp lý là hoạt động thể hiện quyền lực nhà nước do cơ quan nhà nước hay người có thẩm quyền tiến hành nhằm cá biệt hóa bộ phận chế tài của quy phạm pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích khái niệm, các dấu hiệu của vi phạm pháp luật?
2. Phân tích các căn cứ để truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với một chủ thể?
3. Phân biệt vi phạm pháp luật hình sự với vi phạm pháp luật hành chính?
4. Phân biệt trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hành chính?
5. Phân tích khái niệm, đặc điểm của thực hiện pháp luật?
6. Phân tích khái niệm, đặc điểm và các giai đoạn của áp dụng pháp luật?

CÂU HỎI ĐÚNG/SAI

1. Thực hiện pháp luật là áp dụng pháp luật.
2. Mọi hành vi trái pháp luật đều là hành vi vi phạm pháp luật.
3. Mọi chủ thể thực hiện hành vi trái pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý.
4. Trách nhiệm pháp lý dân sự chỉ áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật dân sự.
5. Những quan điểm tiêu cực của chủ thể vi phạm pháp luật được xem là biểu hiện bên ngoài (mặt khách quan) của vi phạm pháp luật.
6. Chủ thể không thấy trước hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội thì không bị xem là có lỗi.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Hình thức thực hiện pháp luật do cơ quan nhà nước tiến hành để tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật gọi là gì?
 - A. Thi hành pháp luật
 - B. Áp dụng pháp luật
 - C. Tuân thủ pháp luật
 - D. Sử dụng pháp luật

Đáp án đúng là: B. Áp dụng pháp luật

Vì: Theo định nghĩa áp dụng pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật do cơ quan nhà nước tiến hành để tổ chức cho các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật.

2. Công chức X từ chối nhận tiền hối lộ tức là đã có hoạt động thực hiện pháp luật dưới hình thức nào sau đây?
 - A. Thi hành pháp luật
 - B. Tuân thủ pháp luật
 - C. Sử dụng pháp luật
 - D. Áp dụng pháp luật

Đáp án đúng là: B. Tuân thủ pháp luật

Vì: Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật theo đó chủ thể kiểm chế, không tiến hành những hoạt động mà pháp luật cấm. Trường hợp này, X kiểm chế để không vi phạm quy định cấm cá nhân nhận hối lộ theo quy định của pháp luật hình sự.

3. Yếu tố nào sau đây thuộc mặt chủ quan của vi phạm pháp luật?

- A. Hành vi trái pháp luật – Lỗi
- B. Lỗi – Động cơ – Mục đích
- C. Hành vi trái pháp luật – Mục đích của hành vi trái pháp luật
- D. Hành vi trái pháp luật – Hậu quả của hành vi trái pháp luật

Đáp án đúng là: B. Lỗi – Động cơ – Mục đích

Vì: Mặt chủ quan của vi phạm pháp luật là diễn biến tâm lý bên trong của chủ thể vi phạm pháp luật, bao gồm 3 yếu tố: Lỗi, động cơ và mục đích.

Vậy các đáp án có yếu tố: Hành vi trái pháp luật, Hậu quả của hành vi trái pháp luật là Sai vì đây là những yếu tố thuộc mặt khách quan của vi phạm pháp luật (là những biểu hiện ra bên ngoài của vi phạm pháp luật).

4. Chủ thể có quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý là chủ thể nào dưới đây?

- A. Bên bị thiệt hại bởi hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể khác.
- B. Nhà nước (thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các chủ thể khác được nhà nước ủy quyền).
- C. Chỉ có thể là Tòa án.
- D. Chỉ có thể là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Đáp án đúng là: B. Nhà nước (thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các chủ thể khác được nhà nước ủy quyền).

Vì: Truy cứu trách nhiệm pháp lý là áp dụng những biện pháp cưỡng chế (chế tài) đã được quy định trong pháp luật đối với các chủ thể vi phạm pháp luật. Pháp luật quy định chỉ các cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc các chủ thể được Nhà nước ủy quyền thì mới có quyền truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với tổ chức hay cá nhân nào đó.

5. A bị truy tố ra toà án để xét xử vì có hành vi cố ý gây thương tích cho B. Ngoài phần trách nhiệm hình sự, Tòa án yêu cầu A phải bồi thường thiệt hại cho B số tiền là 30.000.000 đồng. Như vậy, việc A phải nộp tiền phạt tức là A đang phải chịu loại trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Trách nhiệm kỷ luật
- B. Trách nhiệm hành chính
- C. Trách nhiệm dân sự
- D. Trách nhiệm hình sự

Đáp án đúng là: C. Trách nhiệm dân sự.

Vì: Trách nhiệm pháp lý được xác định dựa trên cơ sở các vi phạm pháp luật. Vi phạm pháp luật trong trường hợp này của A là vi phạm hình sự. Do đó A phải chịu trách nhiệm hình sự, đồng thời A còn phải bồi thường thiệt hại tức là A còn phải chịu cả trách nhiệm dân sự.